

Số: 143/2018/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 12253/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai áp dụng đối các sản phẩm nằm trong Danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).
- b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).
- c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).
- d) Doanh nghiệp.
- đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết nhưng không quá 300 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Dự án liên kết được hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản, chế biến; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/01 dự án.

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông

- Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn.

- Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Số lượng mô hình xây dựng trên cơ sở quy mô của dự án, được cơ quan cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật

- Đối tượng nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông theo quy định hiện hành.

- Đối tượng chuyển giao khoa học kỹ thuật - công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông; hỗ trợ 100% chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học.

đ) Hỗ trợ đào tạo nghề: Mức hỗ trợ áp dụng theo đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đồng Nai.

e) Hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã

- Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì sản phẩm, mức hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/mẫu thiết kế và không quá 03 mẫu thiết kế.

- Hỗ trợ giống, vật tư:

+ Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng và 30% chi phí mua vật tư, thời gian hỗ trợ và mức hỗ trợ như sau:

. Cây rau và cây dược liệu: Hỗ trợ trong 03 vụ, tổng mức hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/ha/vụ.

. Cây lương thực: Hỗ trợ trong 03 vụ, riêng đối với giống cây khoai mì hỗ trợ 01 vụ, tổng mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ha/vụ.

. Cây công nghiệp: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

. Cây ăn quả: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 09 triệu đồng/ha/năm.

+ Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 30% chi phí mua vắc-xin phòng bệnh gia súc, gia cầm cho các hộ, trang trại tham gia chuỗi liên kết: Hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh gia cầm (cúm, newcastle, dịch tả vịt) không quá 02 ngàn đồng/con; hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh cho heo (dịch tả, lở mồm long móng) không quá 40 ngàn đồng/con, thời gian hỗ trợ trong 03 chu kỳ sản xuất.

+ Liên kết trong lâm nghiệp: Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí mua giống, hỗ trợ 30% chi phí mua vật tư trong 03 năm, tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

+ Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản, thời gian hỗ trợ 01 vụ sản xuất, mức hỗ trợ như sau:

. Nuôi tôm nước mặn, lợ (nuôi thâm canh, bán thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 95 triệu đồng/ha.

. Nuôi tôm nước ngọt: Tổng mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/ha.

. Nuôi cá rô đồng, cá lóc (nuôi thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/ha.

. Nuôi cá khác trong ao: Tổng mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

g) Hỗ trợ 30% kinh phí mua vật tư hệ thống tưới (01 lần đối với phần diện tích chưa được hỗ trợ).

h) Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao khoa học kỹ thuật mới, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng.

i) Hỗ trợ 40% chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, bao gồm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và các hình thức sản xuất nông nghiệp tốt khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận), cụ thể:

- Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm sản áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi phí đánh giá chứng nhận 01 lần (lần đầu hoặc cấp lại).

k) Hỗ trợ 40% kinh phí áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, gồm: ISO 9001, ISO 22000, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/01 hệ thống.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Ngân sách tỉnh, huyện bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ: Chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp tỉnh phê duyệt; chi phí hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết; chi phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao.

b) Ngân sách cấp huyện hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp huyện phê duyệt và các nội dung còn lại.

c) Đối với nội dung hỗ trợ đào tạo nghề, thực hiện lồng ghép theo chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết; rà soát, bãi bỏ các văn bản pháp luật không phù hợp với nội dung Nghị quyết này; định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. / Ch

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Các Bộ: NNPTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PTH



Nguyễn Phú Cường

Số: 12253/TT-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng Năm 2018

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân xem xét ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Kết quả thực hiện các chuỗi liên kết theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013

Sau 05 năm triển khai thực hiện Quyết định số 62/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và 04 năm thực hiện Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, đã đạt được những kết quả tích cực: đã có 19 dự án cánh đồng lớn đã được phê duyệt với tổng diện tích là 7.131,4 ha, có 6.007 hộ nông dân, 07 doanh nghiệp và 12 hợp tác xã tham gia. Một số sản phẩm tham gia dự án cánh đồng lớn mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt so với sản xuất truyền thống, cụ thể như: mô hình ca cao của công ty Trọng Đức cho năng suất gấp 1,3 - 1,5 lần so với sản xuất đại trà; Dự án sản xuất sầu riêng VietGAP trên địa bàn huyện Xuân Lộc cho năng suất khoảng 17-20 tấn/ha, giá trị tăng hơn 5 triệu đồng/tấn so với sầu riêng sản xuất thông thường.

Tuy nhiên việc thực hiện liên kết sản xuất cánh đồng lớn còn nhiều tồn tại bất cập như:

- Phạm vi điều chỉnh của chính sách còn hạn chế, chỉ áp dụng cho lĩnh vực trồng trọt, các lĩnh vực khác như chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp chưa được đề cập tới. Các chính sách chỉ quy định tập trung vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, chưa quy định cụ thể các khâu tham gia liên kết, đặc biệt là chế biến. Điều kiện hỗ trợ còn cao, định mức hỗ trợ còn thiếu tính hấp dẫn, thủ tục hỗ trợ còn rườm rà, phức tạp, dự án khó tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Tổng diện tích canh tác tham gia thực hiện cánh đồng lớn còn thấp (chiếm 4,46% so với quy hoạch cánh đồng lớn); số lượng nông dân tham gia liên kết tỷ lệ chưa cao (chiếm 2,4% so với số hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn); hợp đồng tiêu thụ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ký kết

chưa được chặt chẽ, còn tình trạng phá vỡ hợp đồng; tỷ lệ bao tiêu sản phẩm qua hợp đồng liên kết thấp.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã còn lúng túng trong việc lập dự án liên kết, xây dựng kế hoạch và phương án sản xuất kinh doanh; có những hợp đồng liên kết còn mang tính hình thức.

- Hợp tác xã vai trò cầu nối còn yếu trong thực hiện dự án. Công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành có liên quan chưa thực sự chặt chẽ; nhất là, công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án.

- Đất sản xuất nông nghiệp hiện còn manh mún; chế tài xử lý các tranh chấp hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa đủ mạnh.

2. Sự cần thiết ban hành văn bản

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại, khó khăn bất cập qua thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh với yêu cầu thực tiễn đặt ra trên địa bàn tỉnh thời gian tới và việc cụ thể hóa chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo tinh thần Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ, để triển khai thực hiện trên địa bàn thì việc ban hành "Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai" là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tạo kết nối chuỗi sản xuất và tiêu thụ nông sản bền vững. Giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay đối với sản xuất nông nghiệp là khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với xây dựng thương hiệu hàng hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Phát triển liên doanh, liên kết theo hướng toàn diện trong tất cả các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp; trong đó, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, lợi thế của từng lĩnh vực đã được phê duyệt

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật đầu tư và các văn bản có liên quan khác để tạo khung pháp lý cho việc thực hiện hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đảm bảo tính khả thi cao trong triển khai thực hiện chính sách.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định

số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, UBND tỉnh đã thực hiện trình tự, thủ tục ban hành Nghị quyết cụ thể như sau:

Ngày 18/10/2018, UBND tỉnh có Tờ trình số 11096/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết về quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gửi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 22/10/2018, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Văn bản số 794/HĐND-VP về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết nêu trên theo Tờ trình số 11096/TTr-UBND của UBND tỉnh.

Ngày 24/10/2018, cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị quyết (Sở Nông nghiệp và PTNT) có Văn bản số 4043/SNN-PTNT gửi các sở, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết và thực hiện đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đã có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan đối với dự thảo chính sách.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết tại Văn bản số 4205/SNN-PTNT ngày 02/11/2018.

Ngày 07/11/2018, Sở Tư pháp có Văn bản số 261/BC-STP về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và có báo cáo giải trình ý kiến thẩm định.

Ngày 08/11/2018, UBND tỉnh tổ chức họp rà soát, trao đổi, thống nhất và chỉ đạo hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh theo quy định.

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tư pháp trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng với 3 Điều, trong đó:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

Điều 3. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

2.1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (áp

dụng với các sản phẩm nằm trong danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

b) Đối tượng áp dụng:

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác.

- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Doanh nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết.

2.2. Nội dung, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

Quy định các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với một số nội dung cơ bản gồm:

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Thực hiện theo Khoản 1, Điều 7 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, cụ thể như sau: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Thực hiện theo Khoản 1, Điều 8 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, cụ thể: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản, chế biến; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông

a) Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn.

b) Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.

4. Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật

a) Đối tượng nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật – công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông theo quy định hiện hành.

b) Đối tượng chuyển giao khoa học kỹ thuật – công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông; hỗ trợ 100% chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học.

5. Hỗ trợ đào tạo nghề

a) Hỗ trợ kinh phí cho chủ trì liên kết thực hiện tổ chức đào tạo nghề thường xuyên dưới 03 tháng và cấp giấy chứng chỉ học nghề cho các thành viên tham gia chuỗi liên kết. Mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

b) Hỗ trợ cho học viên là thành viên tham gia liên kết: Hỗ trợ tiền ăn 30 ngàn đồng/người/ngày thực học; tiền đi lại 200 ngàn đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

6. Hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã

a) Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì sản phẩm. Mức hỗ trợ không quá 8 triệu đồng/mẫu thiết kế, không quá 03 mẫu thiết kế.

b) Hỗ trợ giống, vật tư

- Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng và 30% chi phí mua vật tư, thời gian hỗ trợ và mức hỗ trợ như sau:

+ Cây rau và cây dược liệu: Hỗ trợ trong 03 vụ. Tổng mức hỗ trợ không quá 3 triệu đồng/ha/vụ.

+ Cây lương thực: Tổng mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ha/vụ. Hỗ trợ trong 03 vụ, riêng đối với giống cây khoai mì hỗ trợ 01 vụ.

+ Cây công nghiệp: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

+ Cây ăn quả: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 09 triệu đồng/ha/năm.

- Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 30% chi phí mua vắc-xin phòng bệnh gia súc, gia cầm cho các hộ, trang trại tham gia chuỗi liên kết: Hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh gia cầm (cúm, newcastle, dịch tả vịt) không quá 02 ngàn đồng/con; hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh cho heo (dịch tả, lở mồm long móng) không quá 40 ngàn đồng/con, thời gian hỗ trợ trong 03 chu kỳ sản xuất.

- Liên kết trong lâm nghiệp: Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí mua giống, hỗ trợ 30% chi phí mua vật tư trong 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

- Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản. Thời gian 01 vụ sản xuất. Mức hỗ trợ như sau:

+ Nuôi tôm nước mặn, lợ (nuôi thâm canh, bán thâm canh): Tổng mức hỗ

trợ không quá 95 triệu đồng/ha.

+ Nuôi tôm nước ngọt: Tổng mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/ha.

+ Nuôi cá rô đồng, cá lóc (nuôi thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/ha.

+ Nuôi cá khác trong ao: Tổng mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

7. Hỗ trợ 30% kinh phí mua vật tư hệ thống tưới (01 lần đối với phần diện tích chưa được hỗ trợ).

8. Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao khoa học kỹ thuật mới, không quá 300 triệu đồng.

9. Hỗ trợ 40% chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, bao gồm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và các hình thức sản xuất nông nghiệp tốt khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận), cụ thể:

a) Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm sản áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi phí đánh giá chứng nhận 01 lần (lần đầu hoặc cấp lại).

10. Hỗ trợ 40% kinh phí áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, gồm: ISO 9001, ISO 22000, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/01 hệ thống.

11. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Ngân sách tỉnh, huyện đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ các nội dung: Hạ tầng phục vụ liên kết; chi phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp tỉnh phê duyệt.

b) Ngân sách cấp huyện hỗ trợ các nội dung còn lại và chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp huyện phê duyệt.

c) Đối với nội dung hỗ trợ đào tạo nghề, thực hiện lồng ghép theo chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3.3. Tổ chức thực hiện

1. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động các tổ chức, nhân dân cùng giám sát việc thực hiện Nghị quyết

này và phản ánh kịp thời ý kiến, kiến nghị đến các cơ quan chức năng theo đúng quy định pháp luật.

Hàng năm, tổ chức đánh giá, sơ kết quá trình thực hiện để có giải pháp khắc phục những mặt hạn chế, nhân rộng các mô hình chuỗi liên kết có hiệu quả trên địa bàn.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(2) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp và Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết của đơn vị soạn thảo.

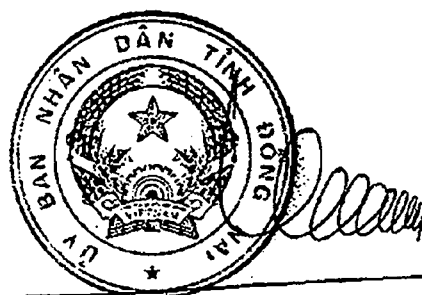
(3) Báo cáo chi tiết chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; bản sao chụp ý kiến góp ý.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai; LĐLĐ; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh

BÁO CÁO

**Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

(Kèm theo Tờ trình số 122.53/TT-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh)

I. THỰC TRẠNG, SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Kết quả thực hiện Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn:

Ngày 25/10/2013, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành của Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Sau 05 năm triển khai thực hiện Quyết định số 62/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và 04 năm thực hiện Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, đã đạt được những kết quả tích cực: Trên địa bàn tỉnh đã triển khai xây dựng 33 dự án, trong đó 19 dự án cánh đồng lớn đã được phê duyệt với tổng diện tích là 7.131,4 ha, có 6.007 hộ nông dân, 07 doanh nghiệp và 12 hợp tác xã tham gia. Các dự án tập trung nhiều ở các huyện Xuân Lộc (07 dự án), thị xã Long Khánh (03 dự án), Cẩm Mỹ (03 dự án). Đến nay, có 15 dự án đi vào hoạt động tiêu thụ sản phẩm, 04 dự án đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, trồng mới chưa cho sản phẩm (Dự án Tiêu tại Cẩm Mỹ, Xoài tại Xuân Lộc; Chôm Chôm tại Long Khánh; Ca Cao xen điều tại Trảng Bom); hạ tầng phục vụ sản xuất dự án cánh đồng lớn (giao thông, điện, thủy lợi) được quan tâm đầu tư; tiến bộ khoa học kỹ thuật được triển khai đồng bộ theo hướng an toàn. Trong thực hiện đã xuất hiện những mô hình liên kết đem lại hiệu quả khá tốt cho doanh nghiệp và người nông dân tham gia chuỗi liên kết: Dự án cây ca cao của Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức; Dự án cây bắp huyện Cẩm Mỹ; Dự án Sầu riêng huyện Xuân Lộc; Dự án Điều huyện Trảng Bom; Dự án Lúa tại Xuân Lộc. Số dự án đi vào hoạt động đã tổ chức tiêu thụ được 52.729 tấn sản phẩm các loại, cho 3.054 hộ nông dân. Một số sản phẩm tham gia dự án cánh đồng lớn mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt so với sản xuất truyền thống, cụ thể như: mô hình ca cao của công ty Trọng Đức cho năng suất gấp 1,3 -1,5 lần so với sản xuất đại trà; Dự án sản xuất sầu riêng VietGAP trên địa bàn huyện Xuân Lộc cho năng suất khoảng 17-20 tấn/ha, giá trị tăng hơn 5 triệu/tấn so với sầu riêng sản xuất thông thường.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn là một chủ trương đúng đắn, được ban hành đúng thời điểm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và nông dân có cơ hội liên kết để sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất; công tác chỉ đạo, triển khai, tuyên truyền chính sách đã được các cấp, các ngành, các địa phương triển khai sâu rộng đến các thành phần kinh tế, các tổ chức đại diện của nông dân và đông đảo nhân dân trên địa bàn tỉnh; nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tích cực tham gia xây dựng, thực hiện chuỗi liên kết.

Tuy nhiên việc thực hiện liên kết sản xuất cánh đồng lớn còn nhiều tồn tại bất cập như:

- Phạm vi điều chỉnh của chính sách còn hạn chế, chỉ áp dụng cho lĩnh vực trồng trọt, các lĩnh vực khác như chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp chưa được đề cập tới. Các chính sách chỉ quy định tập trung vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, chưa quy định cụ thể các khâu tham gia liên kết, đặc biệt là chế biến. Điều kiện hỗ trợ còn cao, định mức hỗ trợ còn thiếu tính hấp dẫn, thủ tục hỗ trợ còn rườm rà, phức tạp, dự án khó tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Tổng diện tích canh tác tham gia thực hiện cánh đồng lớn còn thấp (chiếm 4,46% so với quy hoạch cánh đồng lớn); số lượng nông dân tham gia liên kết tỷ lệ chưa cao (chiếm 2,4% so với số hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn); hợp đồng tiêu thụ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ký kết chưa được chặt chẽ, còn tình trạng phá vỡ hợp đồng; tỷ lệ bao tiêu sản phẩm qua hợp đồng liên kết thấp.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã còn lúng túng trong việc lập dự án liên kết, xây dựng kế hoạch và phương án sản xuất kinh doanh; có những hợp đồng liên kết còn mang tính hình thức.

- Vai trò cầu nối của hợp tác xã còn yếu trong thực hiện dự án. Công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành có liên quan chưa thực sự chặt chẽ; nhất là, công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án.

- Đất sản xuất nông nghiệp hiện còn manh mún; chế tài xử lý các tranh chấp hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa đủ mạnh.

2. Sự cần thiết ban hành văn bản

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại, khó khăn bất cập qua thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh, với yêu cầu thực tiễn đặt ra trên địa bàn tỉnh thời gian tới và việc cụ thể hóa chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo tinh thần Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ, để triển khai thực hiện trên địa bàn thì việc ban hành "Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai" là cần thiết.

3. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII ngày 19/6/2015;

- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII, ngày 22/6/2015;
- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII, ngày 25/6/2015;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông
- Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016-2020;
- Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định 1418/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Căn cứ Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh về ban hành một số ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG

1. Quan điểm

- Phát triển liên doanh, liên kết theo hướng toàn diện trong tất cả các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, trong đó, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, lợi thế của từng lĩnh vực đã được phê duyệt.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật đầu tư và các văn bản có liên quan khác để tạo khung pháp lý cho việc thực hiện hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đảm bảo tính khả thi cao trong triển khai thực hiện chính sách.

2. Mục tiêu

Thúc đẩy doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tạo kết nối chuỗi s

ản xuất và tiêu thụ nông sản bền vững. Giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay đối với sản xuất nông nghiệp là tình trạng sản xuất manh mún. Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với xây dựng thương hiệu hàng hóa, nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường.

Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2019 - 2020: Xây dựng tối thiểu 7 chuỗi liên kết/năm.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Xây dựng tối thiểu 10 chuỗi liên kết/năm.

3. Nội dung chính sách

3.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (áp dụng với các sản phẩm nằm trong danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh).

b) Đối tượng áp dụng:

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác.

- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Doanh nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết.

3.2. Nội dung, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

1) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Thực hiện theo Khoản 1, Điều 7 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, cụ thể như sau: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Thực hiện theo Khoản 1, Điều 8 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, cụ thể: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản,

chế biến; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

3) Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông

- Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn.

(Vận dụng theo Điểm c, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.)

- Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.

(Vận dụng theo Điểm d, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông. Đối với mức hỗ trợ 01 tỷ đồng để xuất căn cứ trên cơ sở Điểm b, Khoản 2, Điều 9 của nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.)

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.

(Vận dụng theo Điểm e, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.)

4) Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật

- Đối tượng nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật – công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông theo quy định hiện hành.

- Đối tượng chuyển giao khoa học kỹ thuật – công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông; hỗ trợ 100% chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học.

(Về nội dung hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; về định mức hỗ trợ cụ thể vận dụng Điều 27 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông)

5) Hỗ trợ đào tạo nghề

- Hỗ trợ kinh phí cho chủ trì liên kết thực hiện tổ chức đào tạo nghề thường xuyên dưới 03 tháng và cấp giấy chứng chỉ học nghề cho các thành viên tham gia chuỗi liên kết. Mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

- Hỗ trợ cho học viên là thành viên tham gia liên kết: Hỗ trợ tiền ăn 30 ngàn đồng/người/ngày thực học; tiền đi lại 200 ngàn đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

(Về nội dung hỗ trợ đào tạo nghề được quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; về mức hỗ trợ vận dụng theo Quyết định 1418/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai)

6) Hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã

- Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì. Mức hỗ trợ không quá 8 triệu đồng/mẫu thiết kế, không quá 03 mẫu thiết kế.

(Mức hỗ trợ và số lượng mẫu hỗ trợ vận dụng Khoản 2, Mục III, Phần II của Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016-2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.)

- Hỗ trợ giống, vật tư

+ Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng và 30% chi phí mua vật tư, thời gian hỗ trợ và mức hỗ trợ như sau:

Cây rau và cây dược liệu: Hỗ trợ trong 03 vụ. Tổng mức hỗ trợ không quá 3 triệu đồng/ha/vụ.

Cây lương thực: Tổng mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ha/vụ. Hỗ trợ trong 03 vụ, riêng đối với giống cây khoai mì hỗ trợ 01 vụ.

Cây công nghiệp: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

Cây ăn quả: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 09 triệu đồng/ha/năm.

(Về nội dung hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; về mức hỗ trợ tối đa được tính toán trên cơ sở Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt đơn giá giống cây trồng và vật tư hệ thống tưới nước tiết kiệm phục vụ chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về ban hành quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật cây trồng trên địa bàn tỉnh; đơn giá tính bình quân thực tế thị trường hiện nay)

+ Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 30% chi phí mua vắc-xin phòng bệnh gia súc, gia cầm cho các hộ, trang trại tham gia chuỗi liên kết: Hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh gia cầm (cúm, newcastle, dịch tả vịt) không quá 02 ngàn đồng/con; hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh cho heo (dịch tả, lở mồm long móng) không quá 40 ngàn đồng/con, thời gian hỗ trợ trong 03 chu kỳ sản xuất.

(Vắc-xin là một loại vật tư thiết yếu trong chăn nuôi. Việc hỗ trợ vật tư được quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ)

+ Liên kết trong lâm nghiệp: Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí mua giống, hỗ trợ 30% chi phí mua vật tư trong 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/chu kỳ sản xuất.

(Đơn vị soạn thảo căn cứ quy trình kỹ thuật sản xuất cây keo lai, trong đó áp dụng các định mức quy trình kỹ thuật để tính toán và đề xuất mức hỗ trợ

không quá 06 triệu đồng/ha/chu kỳ sản xuất).

+ Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản. Thời gian 01 vụ sản xuất. Mức hỗ trợ như sau:

Nuôi tôm nước mặn, lợ (nuôi thâm canh, bán thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 95 triệu đồng/ha.

Nuôi tôm nước ngọt: Tổng mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/ha.

Nuôi cá rô đồng, cá lóc (nuôi thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/ha.

Nuôi cá khác trong ao: Tổng mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha. (Mức hỗ trợ tối đa được tính toán trên cơ sở Quyết định 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 về ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình khuyến ngư; Quyết định số 1871/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/05/2018 về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông trung ương)

7) Hỗ trợ 30% kinh phí mua vật tư hệ thống tưới (01 lần đối với phần diện tích chưa được hỗ trợ).

(Về nội dung hỗ trợ vật tư hệ thống tưới: Tưới tiết kiệm là một trong những tiến bộ khoa học kỹ thuật; trong những năm qua, việc áp dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm trong sản xuất nông nghiệp đã cho thấy những hiệu quả lớn như: Năng suất cây trồng tăng trên 20% so với không áp dụng, chất lượng sản phẩm được nâng cao, giảm lượng nước tiêu thụ, giảm chi phí sản xuất; vì vậy, cần tiếp tục khuyến khích thực hiện trong chuỗi liên kết. Hiện, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 về phê duyệt đơn giá giống và vật tư hệ thống tưới một số loại cây trồng, đây là tiền đề để triển khai thành công nội dung này).

8) Hỗ trợ 40% chi phí chuyên giao khoa học kỹ thuật mới, không quá 300 triệu đồng.

(Nội dung hỗ trợ căn cứ theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; mức hỗ trợ "tối đa không quá 300 triệu đồng" vận dụng Điểm a, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Thực tế, để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp cần không ngừng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Trong những năm qua, nhờ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới năng suất cây trồng, vật nuôi được nâng cao).

9) Hỗ trợ 40% chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, bao gồm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và các hình thức sản xuất nông nghiệp tốt khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận), cụ thể:

- Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự

án sản xuất nông, lâm sản áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi phí đánh giá chứng nhận 01 lần (lần đầu hoặc cấp lại).

(Việc sản xuất an toàn là điều kiện trong thực hiện chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, được quy định tại Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. Thực tế hiện nay, sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP còn hạn chế do nhiều khó khăn. Vì vậy, cần thực hiện hỗ trợ nội dung này.

Mức hỗ trợ đề xuất căn cứ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

10) Hỗ trợ 40% kinh phí áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, gồm: ISO 9001, ISO 22000, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/01 hệ thống.

(Nội dung theo Điểm d, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; mức hỗ trợ vận dụng theo Điểm a, Khoản 2, Mục II của Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ sở hữu trí tuệ trong qua trình hội nhập giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai).

11) Nguồn kinh phí hỗ trợ

Ngân sách tỉnh, huyện đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ các nội dung: Hạ tầng phục vụ liên kết; chi phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp tỉnh phê duyệt.

b) Ngân sách cấp huyện hỗ trợ các nội dung còn lại và chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp huyện phê duyệt.

c) Đối với nội dung hỗ trợ đào tạo nghề, thực hiện lồng ghép theo chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Kinh phí thực hiện

- Ước kinh phí giai đoạn năm 2019-2020: 20,875 tỷ đồng/năm (07 dự án/năm). Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 10,200 tỷ đồng; ngân sách huyện hỗ trợ 10,675 tỷ đồng. Bình quân 2,982 tỷ đồng/dự án *(kèm theo phụ lục 1).*

- Ước kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025: 30,461 tỷ đồng/năm (10 dự án/năm). Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 14,650 tỷ đồng; ngân sách huyện hỗ trợ 15,811 tỷ đồng. Bình quân 3,0146 tỷ đồng/dự án *(kèm theo phụ lục 2).*

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền: Các sở, ngành tỉnh, các địa phương chủ động phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, nội dung tuyên truyền cụ thể

các nội dung: Chính sách hỗ trợ, sự cần thiết, hiệu quả của việc thực hiện chủ trương, chính sách liên kết, các dự án liên kết có hiệu quả với hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú và liên tục để người nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, chính quyền địa phương cấp xã nắm bắt kịp thời, đầy đủ thông tin và tích cực tham gia thực hiện.

2. Xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện tốt chính sách trên từng địa bàn, trong đó xác định cụ thể các nội dung, số lượng dự án, thời gian thực hiện, phân công cụ thể trách nhiệm của các ngành, địa phương có liên quan trong triển khai thực hiện.

3. Nâng cao chất lượng, trách nhiệm của các chủ thể thực hiện dự án hoặc kế hoạch liên kết: Lựa chọn các doanh nghiệp có đủ năng lực, kinh nghiệm để tham gia đầu tư thực hiện các dự án chuỗi liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên địa bàn. Đồng thời, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về quản trị, lập kế hoạch sản xuất, xúc tiến thương mại cho các chủ dự án cánh đồng lớn.

UBND cấp huyện có kế hoạch tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn để đảm bảo đủ điều kiện, năng lực tham gia hợp tác với các doanh nghiệp hoặc tự tổ chức xây dựng, thực hiện dự án chuỗi liên kết gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản.

4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước: Chủ động thực hiện tốt công tác hướng dẫn lập dự án, ký kết các hợp đồng liên kết; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các dự án, kịp thời phát hiện, xử lý các vướng mắc phát sinh. Thường xuyên rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi, hoặc kiến nghị Trung ương những bất cập về chính sách trong quá trình thực hiện.

5. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính: Đơn giản hóa, thuận tiện thủ tục hành chính trong thực hiện dự án; nhất là, thủ tục về lập dự án đầu tư, tiếp cận vốn đầu tư, đầu tư cơ sở hạ tầng;...

III. HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH SAU KHI BAN HÀNH

Với việc triển khai chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, dự kiến đạt được những hiệu quả sau:

- Thay đổi nhận thức của nông dân từ sản xuất truyền thống sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng đồng bộ trên diện tích lớn, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn với chất lượng đồng đều, thuận lợi cho việc ứng dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp (năng suất, chất lượng sản phẩm nâng cao, giá thành giảm, đầu ra ổn định).

- Góp phần xây dựng, củng cố và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn hóa trong sản xuất. Doanh nghiệp xây dựng được vùng nguyên liệu ổn định, mạnh dạn đầu tư phát triển chế biến sâu từ đó góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông sản của địa phương.

- Chất lượng sản phẩm, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong chuỗi được kiểm soát chặt chẽ. -

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động các tổ chức, nhân dân cùng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này và phản ánh kịp thời ý kiến, kiến nghị đến các cơ quan chức năng theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục 1: Ước kinh phí hỗ trợ ngân sách nhà nước hàng năm giai đoạn 2019-2020
(Kèm theo Tờ trình số 12.15/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Số lượng (dự án)	Ước kinh phí thực hiện	Tổng	Phân nguồn	
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	Cộng			20.875	10.200	10.675
1	Hỗ trợ tư vấn	3	100	300	150	150
		2	200	400	200	200
		2	300	600	300	300
2	Hỗ trợ hạ tầng liên kết	1	3.000	3.000	3.000	
		1	2.000	2.000	2.000	
		2	1.000	2.000	2.000	
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông			-		
-	Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu	7	500	3.500		3.500
-	Hỗ trợ thực hiện mô hình CNC	1	500	500	500	
		1	800	800	800	
		1	1.000	1.000	1.000	
-	Hỗ trợ chứng nhận CS an toàn thực phẩm, CS an toàn dịch bệnh	3	15	45		45
		2	12	24		24
		2	10	20		20
4	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn	7	48	336		336
5	Hỗ trợ đào tạo nghề	3	100	300		300
6	Hỗ trợ vật tư, thiết kế bao bì	7	500	3.500		3.500
7	Hỗ trợ hệ thống tưới	5	30	150		150
8	Hỗ trợ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới	3	300	900		900
9	Hỗ trợ thực hành sản xuất nông nghiệp tốt	7	300	2.100	600	1.500
10	Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến	2	50	100		100

Phụ lục 2: Ước kinh phí hỗ trợ ngân sách nhà nước hàng năm giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số 125 TTtr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Số lượng (dự án)	Ước kinh phí thực hiện	Tổng	Phân nguồn	
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	Cộng			30.461	14.650	15.811
1	Hỗ trợ tư vấn	4	100	400	200	200
		3	200	600	300	300
		3	300	900	450	450
2	Hỗ trợ hạ tầng liên kết	1	3.000	3.000	3.000	
		2	2.000	4.000	4.000	
		3	1.000	3.000	3.000	
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông			-		
-	Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu	10	500	5.000		5.000
-	Hỗ trợ thực hiện mô hình CNC	2	500	1.000	1.000	
		2	800	1.600	1.600	
		1	1.000	1.000	1.000	
-	Hỗ trợ chứng nhận CS an toàn thực phẩm, CS an toàn dịch bệnh	3	15	45		45
		3	12	36		36
		4	10	40		40
4	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn	10	48	480		480
5	Hỗ trợ đào tạo nghề	5	100	500		500
6	Hỗ trợ vật tư, thiết kế bao bì	10	500	5.000		5.000
7	Hỗ trợ hệ thống tưới	7	30	210		210
8	Hỗ trợ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới	5	300	1.500		1.500
9	Hỗ trợ thực hành sản xuất nông nghiệp tốt	10	300	3.000	600	2.400
10	Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến	3	50	150		150

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2018/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2018

Dự thảo 3

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (áp dụng với các sản phẩm nằm trong danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên

hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

2. Đối tượng áp dụng

a) Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

b) Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

d) Doanh nghiệp.

đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trọng việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Thực hiện theo Khoản 1, Điều 7 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, cụ thể: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Thực hiện theo Khoản 1, Điều 8 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, cụ thể: Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, cơ sở hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản, chế biến; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông

a) Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn.

b) Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.

4. Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật

a) Đối tượng nhận chuyển giao khoa học kỹ thuật – công nghệ: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông theo quy định hiện hành.

b) Đối tượng chuyển giao khoa học kỹ thuật – công nghệ: Hỗ trợ 100%

chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở trong thời gian đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông; hỗ trợ 100% chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học.

5. Hỗ trợ đào tạo nghề

a) Hỗ trợ kinh phí cho chủ trì liên kết thực hiện tổ chức đào tạo nghề thường xuyên dưới 03 tháng và cấp giấy chứng chỉ học nghề cho các thành viên tham gia chuỗi liên kết. Mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

b) Hỗ trợ cho học viên là thành viên tham gia liên kết: Hỗ trợ tiền ăn 30 ngàn đồng/người/ngày thực học; tiền đi lại 200 ngàn đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

6. Hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì sản phẩm qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã

a) Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì sản phẩm. Mức hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/mẫu thiết kế, không quá 03 mẫu thiết kế.

b) Hỗ trợ giống, vật tư

- Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng và 30% chi phí mua vật tư, thời gian hỗ trợ và mức hỗ trợ như sau:

+ Cây rau và cây dược liệu: Hỗ trợ trong 03 vụ. Tổng mức hỗ trợ không quá 03 triệu đồng/ha/vụ.

+ Cây lương thực: Tổng mức hỗ trợ không quá 05 triệu đồng/ha/vụ. Hỗ trợ trong 03 vụ, riêng đối với giống cây khoai mì hỗ trợ 01 vụ.

+ Cây công nghiệp: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

+ Cây ăn quả: Hỗ trợ 01 lần giống trồng mới, hỗ trợ vật tư 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 09 triệu đồng/ha/năm.

- Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ 30% chi phí mua vắc-xin phòng bệnh gia súc, gia cầm cho các hộ, trang trại tham gia chuỗi liên kết: Hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh gia cầm (cúm, newcastle, dịch tả vịt) không quá 02 ngàn đồng/con; hỗ trợ vắc-xin phòng bệnh cho heo (dịch tả, lở mồm long móng) không quá 40 ngàn đồng/con, thời gian hỗ trợ trong 03 chu kỳ sản xuất.

- Liên kết trong lâm nghiệp: Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí mua giống, hỗ trợ 30% chi phí mua vật tư trong 03 năm. Tổng mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/năm.

- Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản. Thời gian 01 vụ sản xuất. Mức hỗ trợ như sau:

+ Nuôi tôm nước mặn, lợ (nuôi thâm canh, bán thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 95 triệu đồng/ha.

+ Nuôi tôm nước ngọt: Tổng mức hỗ trợ không quá 60 triệu đồng/ha.

+ Nuôi cá rô đồng, cá lóc (nuôi thâm canh): Tổng mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/ha.

+ Nuôi cá khác trong ao: Tổng mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

7. Hỗ trợ 30% kinh phí mua vật tư hệ thống tưới (01 lần đối với phần diện tích chưa được hỗ trợ).

8. Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao khoa học kỹ thuật mới, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng.

9. Hỗ trợ 40% chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, bao gồm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP và các hình thức sản xuất nông nghiệp tốt khác được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận), cụ thể:

a) Chi phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm sản áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi phí đánh giá chứng nhận 01 lần (lần đầu hoặc cấp lại).

10. Hỗ trợ 40% kinh phí áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, gồm: ISO 9001, ISO 22000, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/01 hệ thống.

11. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Ngân sách tỉnh, huyện đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ các nội dung: Hạ tầng phục vụ liên kết; chi phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp tỉnh phê duyệt.

b) Ngân sách cấp huyện hỗ trợ các nội dung còn lại và chi phí tư vấn xây dựng liên kết đối với các dự án hoặc kế hoạch liên kết do cấp huyện phê duyệt.

c) Đối với nội dung hỗ trợ đào tạo nghề, thực hiện lồng ghép theo chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này; rà soát, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với nội dung Nghị quyết này; định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát, vận động tổ chức và Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết, phản ánh kịp thời ý kiến, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 8, thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và có hiệu lực từ ngày... tháng ... năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai; LBLĐ; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

BÁO CÁO

Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Nhằm hoàn thiện dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên tại Văn bản số 4043/SNN-PTNT ngày 24/10/2018.

Kết quả đến nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được 18 văn bản góp ý, trong đó: Có 12 đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết gồm: Sở Công thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Hội Nông dân tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đồng Nai; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; UBND các huyện: Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán; phòng Kinh tế các địa phương: thành phố Biên Hòa, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch, huyện Trảng Borm; có 06 đơn vị có ý kiến góp ý đối với nội dung dự thảo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo giải trình, tiếp thu như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 4344/SKHDT-KTN ngày 02/11/2018)

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công, nguồn vốn thực hiện trên cơ sở danh mục các dự án đầu tư công được duyệt. Do vậy, đối với nguồn kinh phí triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh xem xét bố trí từ nguồn vốn sự nghiệp và nguồn vốn của UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo tiếp thu ý kiến.

2. Sở Tài chính (Văn bản số 6482/STC-TCHCSN Ngày 05/11/2018)

Góp ý 1: Căn cứ Khoản 2, Điều 17 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm của UBND tỉnh: “*Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn*” Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét bổ sung từ “chính sách hỗ trợ” vào tên của Nghị quyết theo Khoản 2, Điều 17 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ cho phù hợp.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa tên Dự thảo của Nghị quyết theo Khoản 2, Điều 17 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

Góp ý 2: Căn cứ khoản 2, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định: “*Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ Xây dựng mô hình khuyến nông và Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường, thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông; chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác*”. Do đó đề nghị xem xét không đưa một số nội dung hỗ trợ vào dự thảo Nghị quyết vì các nội dung này đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Cụ thể:

a) Khoản 3, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định về hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông. Tuy nhiên các nội dung và mức hỗ trợ tại điểm a, b và c của khoản 3 Điều 2 đều đã được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông. Đề nghị không đưa nội dung này vào dự thảo Nghị quyết.

b) Khoản 3, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định về hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật. Tuy nhiên, các nội dung và mức chi hỗ trợ tại điểm a, b khoản 4 Điều này đều đã được quy định chi tiết tại Điều 27 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông. Đề nghị không đưa nội dung này vào dự thảo Nghị quyết.

c) Khoản 5, Điều 2 của Dự thảo Nghị quyết quy định về Hỗ trợ đào tạo nghề. Tuy nhiên tại Điểm d, Khoản 1, Mục III, phần III Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định 1418/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai đã quy định nội dung và mức chi đào tạo nghề. Đề nghị không đưa nội dung này vào Dự thảo Nghị quyết.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung hỗ trợ đã nêu trên, lý do sau:

- Các chính sách trên đều thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Để triển khai thực hiện các nội dung này trên địa bàn tỉnh, đơn vị soạn thảo cụ thể hóa các nội dung hỗ trợ theo chỉ đạo của Chính phủ giao tại khoản 2 Điều 17 “Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn”.

- Theo quan điểm của Lãnh đạo tỉnh chủ trì buổi họp ngày 05/11/2018 (tại UBND tỉnh theo Giấy mời số 780/GM-UBND ngày 02/11/2018 về thảo luận thống nhất nội dung thông qua dự thảo Nghị quyết chính sách hỗ trợ liên kết) thống nhất đưa một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp có liên quan trong thực hiện chuỗi liên kết đang triển khai trên địa bàn vào dự thảo chính sách “*Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*” nhằm giúp cho các đối tượng tham gia liên kết thuận lợi trong việc tiếp cận, cũng như triển khai thực hiện chính sách.

Góp ý 3: Căn cứ Khoản 3, Điều 9 của Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định: “*Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã, thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp*”

khác”. Tuy nhiên tại Khoản 6, Điều 2 Dự thảo Nghị quyết quy định về hỗ trợ giống, vật tư, chi phí giết mổ, thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm quy định và một số nội dung mức chi chưa có cơ sở pháp lý. Sở Tài chính đề nghị cơ quan chủ trì rà soát cơ sở pháp lý về nội dung chi và các mức chi. Cụ thể:

a) *Chi phí hỗ trợ giết mổ*: Nội dung hỗ trợ không được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Theo giải trình của cơ quan chủ trì là nội dung hỗ trợ này phù hợp với chủ trương của UBND tỉnh tại Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 về ban hành kế hoạch hỗ trợ chi phí giết mổ cho các điểm, cơ sở giết mổ theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên tại Điểm d, Phần I kế hoạch kèm theo Quyết định số 80/QĐ-UBND quy định thời gian hỗ trợ là 24 tháng kể từ ngày 01/01/2017. Như vậy đến hết ngày 31/12/2018, Quyết định này sẽ hết hiệu lực thi hành. Đề nghị không đưa nội dung này vào Dự thảo Nghị quyết.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo tiếp thu và bỏ nội dung hỗ trợ giết mổ trong dự thảo chính sách.

b) *Hỗ trợ 30% chi phí mua vắc-xin phòng bệnh gia súc, gia cầm*: Theo giải trình của đơn vị là căn cứ chi phí vắc-xin thực tế trong sản xuất chăn nuôi heo, gà hiện nay để tính toán chi phí hỗ trợ (chi phí vắc-xin (thực tế) * 30% * 3 chu kỳ sản xuất). Tuy nhiên nội dung hỗ trợ này không được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Đề nghị xem xét không đưa nội dung này vào Dự thảo Nghị quyết.

Giải trình, tiếp thu: Việc hỗ trợ vật tư được quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, trong đó vắc-xin cũng là một loại vật tư thiết yếu trong chăn nuôi. Vì vậy, đơn vị chủ trì soạn thảo giữ nguyên nội dung dự thảo.

c) Các nội dung hỗ trợ giống, vật tư, hỗ trợ chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm: Cơ quan chủ trì chủ yếu vận dụng các Quyết định của UBND tỉnh để quy định cụ thể các nội dung chi và mức chi. Đề nghị cơ quan chủ trì thực hiện rà soát cơ sở pháp lý về nội dung chi và mức chi.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị chủ trì soạn thảo giải trình như sau:

- Nội dung hỗ trợ giống, vật tư đơn vị soạn thảo:

+ Đối với trồng trọt: Về nội dung hỗ trợ theo Điểm c, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; về mức hỗ trợ tối đa được tính toán trên cơ sở Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt đơn giá giống cây trồng và vật tư hệ thống tưới nước tiết kiệm phục vụ chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về ban hành quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật cây trồng trên địa bàn tỉnh; đơn giá tính bình quân thực tế thị trường hiện nay.

+ Đối với chăn nuôi: Đã giải trình tại khoản a của góp ý 3.

+ Đối với lâm nghiệp: Đơn vị soạn thảo căn cứ quy trình kỹ thuật sản xuất cây keo lai, trong đó áp dụng các định mức quy trình kỹ thuật để tính toán và đề xuất mức hỗ trợ không quá 06 triệu đồng/ha/chu kỳ sản xuất.

+ Đối với thủy sản: Mức hỗ trợ tối đa được tính toán trên cơ sở Quyết định 3276/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2008 về ban hành định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình khuyến ngư; Quyết định số 1871/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/05/2018 về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các mô hình thuộc dự án khuyến nông trung ương.

- Hỗ trợ chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm: Đơn vị soạn thảo điều chỉnh dự thảo như sau “Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì. Mức hỗ trợ không quá 8 triệu đồng/ mẫu thiết kế, tối đa không quá 03 mẫu thiết kế”. Mức hỗ trợ và số lượng hỗ trợ không quá 03 mẫu vận dụng theo Điểm c, Khoản 2, Mục III, Phần II của Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016-2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Tóm lại, đối với các ý kiến góp ý 3, đơn vị soạn thảo đã vận dụng các quy định liên quan trên để thực hiện tính toán mức hỗ trợ nhằm tham mưu ban hành chính sách cho phù hợp với thực tiễn, không phải tham chiếu chính sách để thực hiện.

Góp ý 4: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 9 của Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định: “Ngân sách hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi”. Tuy nhiên tại khoản 8 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ 100% kinh phí các nội dung và tại khoản 9 Điều 2 quy định mức chi hỗ trợ kinh phí tư vấn và chứng nhận 50 triệu đồng/hệ thống là chưa phù hợp theo quy định của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP. Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát cơ sở pháp lý về nội dung chi và các mức chi cho phù hợp theo quy định.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo.

5. Về nguồn kinh phí thực hiện

Đối với các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 07, Điều 08, Điều 09 Nghị định 98/2018/NĐ-CP (Được cụ thể hóa tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết). Quy định: “2. *Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác*”.

Tại khoản 4 Điều 10 các quy định về nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ của Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định “4. *Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, các địa phương chủ động cân đối bổ sung ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo quy định tại Nghị định này*”

Tuy nhiên tại khoản 2, Điều 10 Dự thảo Nghị quyết quy định nguồn kinh phí hỗ trợ chỉ nêu chung là “Ngân sách tỉnh, huyện đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” nhưng chưa nêu cụ thể

hóa nội dung hỗ trợ nào sử dụng ngân sách tỉnh và nội dung hỗ trợ nào sử dụng ngân sách huyện. Đề nghị quy định cụ thể và phân cấp rõ ràng để tạo cơ sở hành lang pháp lý khi triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Tóm lại, theo ý kiến Sở Tài chính nếu là Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ thì phải có cơ sở pháp lý chặt chẽ và căn cứ vào nguồn lực của địa phương tùy vào tình hình cân đối ngân sách trong giai đoạn hiện nay để ban hành chính sách hỗ trợ cho phù hợp. Hiện nay tình hình thu ngân sách đang gặp khó khăn. Do đó Sở Tài chính đề nghị cơ quan chủ trì rà soát lại đối với các nội dung chi chưa được quy định tại Nghị định 98/2018/NĐ-CP thì tạm thời không đưa vào Dự thảo Nghị quyết. Đồng thời đối với một số nội dung chi được cơ quan chủ trì cụ thể tại Điều 2 của dự thảo đề nghị rà soát đánh giá lại cơ sở pháp lý và mức chi phù hợp với tình hình thu ngân sách hiện nay trên địa bàn tỉnh. Sau khi Nghị quyết được ban hành, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ dự toán được UBND tỉnh phân bổ hằng năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cho phù hợp.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo có ý kiến như sau:

- Về thu nội dung phân nguồn ngân sách cấp huyện và cấp tỉnh, đơn vị soạn thảo đã phân rõ nội dung hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện tại Khoản 11, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết.

- Về nguồn kinh phí tỉnh Đồng Nai là chủ động cân đối nguồn ngân sách mà không được bố trí nguồn vốn của trung ương. Để đảm bảo ngân sách hỗ trợ triển khai thực hiện chính sách này, hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh trình HĐND xem xét bố trí vốn để triển khai thực hiện.

3. Sở Lao động thương binh và xã hội (Văn bản số 3834/LĐTBXH-DN ngày 31/10/2018)

Góp ý 1: Tại Khoản 5 Điều 2, bổ sung thêm điểm c như sau: “c) Học viên là thành viên tham gia liên kết: được hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng tại các Trường trung cấp và cao đẳng, mức hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa 9 – kỳ họp thứ 3).”

Giải trình, tiếp thu: Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “văn bản quy phạm pháp luật không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”. Đối tượng tham gia thực hiện liên kết chủ yếu là nông hộ, chương trình đào tạo nghề dưới 03 tháng là phù hợp. Trường hợp, các đối tượng tham gia chuỗi liên kết có nhu cầu học cao đẳng, trung cấp thì được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa 9 – kỳ họp thứ 3).

Vì vậy, đơn vị soạn thảo giữ nguyên như dự thảo.

Góp ý 2: Tại Khoản 10 Điều 2 (nguồn kinh phí hỗ trợ), đề nghị bổ sung thêm phụ lục kinh phí đính kèm (lưu ý: phụ lục 1 cho năm 2019, phụ lục 2 cho năm 2020, phụ lục 3 cho đến năm 2025), trong mỗi phụ lục có chia ngân sách tỉnh và ngân sách huyện).

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo đã ước dự toán kinh phí triển khai thực hiện trong năm 2019, 2020 và giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở ước số dự án được thực hiện, nội dung thực hiện. Các bảng kinh phí được đính kèm theo Báo cáo chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

Đơn vị soạn thảo không đưa cụ thể kinh phí vào trong Nghị quyết do theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định “Hội đồng nhân dân phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh” do đó trong dự thảo Nghị quyết chỉ xác định chính sách hỗ trợ, không đưa cụ thể kinh phí hỗ trợ. Đối với kinh phí hỗ trợ sẽ được Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh hàng năm để trình HĐND phê duyệt kinh phí triển khai thực hiện cho phù hợp với nhu cầu thực tế hàng năm.

4. UBND huyện Cẩm Mỹ (Văn bản số 4052/UBND-NL ngày 31/10/2018)

Tại Khoản 10, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết: Đề nghị phân rõ nguồn kinh phí. Nội dung nào sử dụng kinh phí cấp tỉnh, nội dung nào sử dụng kinh phí cấp huyện để địa phương chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo tiếp thu và bổ sung tại Khoản 11, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết.

5. UBND thị xã Long Khánh (Văn bản số 3349/UBND-NN ngày 31/10/2018)

- *Góp ý 1:* Tại trang 3, dòng 10 về “hỗ trợ chi phí giết mổ 200 đồng/con gà” đề nghị chỉnh sửa thành “hỗ trợ chi phí giết mổ 1.000 đồng/con gà”.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo đã bỏ nội dung hỗ trợ giết mổ theo góp ý của Sở Tài chính.

- *Góp ý 2:* Tại trang 03 mục 8 về áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, đề nghị bổ sung thêm: “kinh phí thuê cán bộ hỗ trợ tư vấn về kỹ thuật trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thủy sản; tư vấn duy trì, phát triển hệ thống quản lý chất lượng sau khi chứng nhận để duy trì, nhân rộng diện tích áp dụng GAP. Kinh phí thuê cán bộ hỗ trợ tư vấn được quy định như sau:

+ 05 triệu đồng/năm/ha canh tác cây trồng, nuôi trồng thủy sản;

+ 10 triệu đồng/năm/cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm, ong mật.”

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo giữ nguyên như dự thảo do nội dung hỗ trợ tư vấn đã được quy định tại Điểm c, Khoản 9 của dự thảo Nghị quyết.

6. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Xuân Lộc (Văn bản số 370/NN.PTNT ngày 31/10/2018)

Góp ý 1: Về nội dung “Hỗ trợ thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm khi đăng ký nhãn hiệu hàng hóa”. Đề nghị điều chỉnh lại thành “Hỗ trợ chi phí thiết kế bao bì sản phẩm hoặc chi phí đăng ký nhãn hiệu hàng hóa”

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo tiếp thu đã điều chỉnh dự thảo thành “Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì. Mức hỗ trợ không quá 8 triệu đồng/ mẫu thiết kế, tối đa không quá 03 mẫu thiết kế”.

Góp ý 2: Về mức hỗ trợ chi phí giống và phân bón: Dự thảo nêu hỗ trợ 50% chi phí giống và 30% chi phí mua phân bón, nhưng quy định số tiền hỗ trợ tối đa chi phí giống và phân bón thấp hơn so với thực tế không mang tính động viên, kích thích hình thành chuỗi liên kết. Đề nghị xem xét, điều chỉnh.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật phân bón các loại cây trồng tại Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh để tính toán cụ thể từng loại cây trồng với giá thực tế bình quân chung của thị trường, trên cơ sở đó, đơn vị soạn thảo lấy **bình quân chung của nhóm cây** để áp định mức hỗ trợ tối đa cho từng nhóm. Vì vậy, đơn vị soạn thảo giữ nguyên như dự thảo.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo./.

BÁO CÁO

Giải trình nội dung thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Ngày 08/11/2018, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Báo cáo số 261/BC-STP ngày 07/11/2018 về việc thẩm định số dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sau khi rà soát, điều chỉnh dự thảo hồ sơ theo ý kiến thẩm định, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo giải trình nội dung như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Ý kiến thẩm định: Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị xem lại phạm vi điều chỉnh về chính sách hỗ trợ “diêm nghiệp”, thực tế trên địa bàn tỉnh còn có nghề muối hay không, đề nghị rà soát lại để đảm bảo tính khả thi của văn bản.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và điều chỉnh quy định khoản này như sau: “Quy định này quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

II. VỀ NỘI DUNG, HÌNH THỨC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo có quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh “quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ và điều kiện hỗ trợ” là không phù hợp vì tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP đã quy định.

Giải trình: Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và điều chỉnh dự thảo.

2. Căn cứ Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo đặt số trang căn giữa theo chiều ngang trong phần lẻ trên của dự thảo Nghị quyết.

Giải trình, tiếp thu: Đơn vị soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo.

3. Tại khoản 1, Điều 2: Sở Tư pháp xác định mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết bằng mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, đề nghị phối hợp Sở Tài chính rà soát, cân đối ngân sách địa phương đảm bảo cho mức hỗ trợ, làm cơ sở xác định cụ thể mức hỗ trợ là bao nhiêu? Không sử dụng cụm từ “tối đa không quá”, tránh việc tùy nghi, không thống nhất trong việc triển khai thực hiện. Định mức hỗ trợ phải đảm bảo phù hợp theo quy định mức tối đa cho phép tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Giải trình: Cụm từ “tối đa không quá” đã được Nghị định số 98/2018/NĐ-CP quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 2. Việc triển khai thực hiện tư vấn xây dựng liên kết trong thực tiễn có nhiều mức chi phí khác nhau tùy theo quy mô dự án lớn hay nhỏ, do đó, không quy định cụ thể một mức hỗ trợ cho nội dung này. Đơn vị soạn thảo bỏ cụm từ “tối đa” và dùng cụm từ “không quá”. Về rà soát, cân đối ngân sách địa phương bảo đảm cho mức hỗ trợ được giải trình cụ thể tại Mục IV của báo cáo này.

4. Tại khoản 2, Điều 2: dự thảo quy định tổng mức hỗ trợ “không quá 10 tỷ đồng bằng mức hỗ trợ tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ, với mức hỗ trợ này thì ngân sách địa phương có đảm bảo thực hiện được không? Đề nghị có đánh giá cụ thể.

Giải trình: Để gia tăng giá trị sản phẩm thì cần thiết phải đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng công trình hạ tầng phục vụ liên kết như: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Với mức hỗ trợ 30% theo quy định thì để nhận hỗ trợ 10 tỷ đồng thì chủ dự án (doanh nghiệp, hợp tác xã) phải đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng mức tối thiểu 30 tỷ. Thực trạng những năm qua chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng. Để khuyến khích các chủ dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ liên kết trong giai đoạn tới, đơn vị soạn thảo đề xuất quy định theo mức hỗ trợ tối đa của Trung ương. Về rà soát, cân đối ngân sách địa phương bảo đảm cho mức hỗ trợ được tính toán cụ thể tại Mục IV của báo cáo này.

5. Tại khoản 3, Điều 2 về hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông, đề nghị có đánh giá, giải trình cụ thể việc tham mưu đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh theo mức nêu tại dự thảo: tại sao có mức lại 50%, mức 40%, mức 100% và dự toán kinh phí hỗ trợ này khoảng bao nhiêu, ngân sách địa phương có đảm bảo thực hiện được hay không?

Giải trình: Nội dung hỗ trợ mô hình khuyến nông căn cứ theo Điểm a, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, đề xuất hỗ trợ các nội dung cụ thể như sau:

+ Tại Điểm a của Dự thảo: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn.

Căn cứ đề xuất: Mức hỗ trợ “50%” căn cứ theo Điểm c, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

+ Tại Điểm b của Dự thảo: Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng.

Căn cứ đề xuất: Mức hỗ trợ “40%” căn cứ theo Điểm d, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

Căn cứ đề xuất: Mức hỗ trợ 01 tỷ đồng vận dụng trên cơ sở Điểm b, Khoản 2, Điều 9 của nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

+ Tại Điểm c của Dự thảo: Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Căn cứ đề xuất: Mức hỗ trợ “100%” vận dụng theo Điểm e, Khoản 1, Điều 29 của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

- Về rà soát, cân đối ngân sách địa phương bảo đảm cho mức hỗ trợ được tính toán cụ thể tại Mục IV của báo cáo này.

6. Tại điểm a, Khoản 5, Điều 2 đề nghị xác định cụ thể mức hỗ trợ, không dùng cụm từ “mức hỗ trợ tối đa”.

Giải trình: Nội dung hỗ trợ đào tạo nghề không thể quy định mức cụ thể do: Chương trình đào tạo, thời gian đào tạo của từng nghề khác nhau, chi phí đào tạo cho từng nghề sẽ khác nhau. Do đó, đơn vị soạn thảo sử dụng cụm từ “không quá”.

Tiếp thu ý kiến thẩm định, thay cụm từ “tối đa” bằng cụm từ “không quá”. Mức hỗ trợ vận dụng theo Quyết định 1418/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai để quy định trong dự thảo.

7. Tương tự tại các khoản 6, 7, 8, 9 đề nghị có đánh giá, giải trình cụ thể cơ sở đề xuất mức hỗ trợ và dự toán kinh phí cho các khoản hỗ trợ và dự toán kinh phí cho các khoản hỗ trợ này là bao nhiêu, ngân sách địa phương có đảm bảo cân đối thực hiện, làm cơ sở trình HĐND xem xét, quyết định.

Giải trình:

- Về nội dung hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì:

+ Đối với nội dung hỗ trợ thiết kế bao bì sản phẩm: Trong quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ xác định hỗ trợ “bao bì, nhãn mác sản phẩm”. Tuy nhiên, đơn vị soạn thảo nhận thấy, nếu hỗ trợ “bao bì, nhãn mác” sản phẩm thì tổng kinh phí hỗ trợ nội dung này rất lớn. Cụ thể như: Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức ước tính chi phí bao bì sản phẩm khoảng 800 triệu đồng/năm (chưa bao gồm nhãn mác) nếu hỗ trợ trong 03 vụ thì kinh phí hỗ trợ là 2,4 tỷ đồng; sản phẩm bưởi Tân Triều, với dự kiến quy mô tối thiểu của 01 dự án là 50 ha thì tổng kinh phí để mua thùng đựng là 1.518.750.000 đồng (hơn 1,5 tỷ đồng).

Do đó, đơn vị soạn thảo đề xuất chỉ hỗ trợ nội dung thiết kế bao bì, đảm bảo tính khả thi hơn trong thực hiện.

Mức hỗ trợ (08 triệu đồng) và số lượng hỗ trợ không quá 03 mẫu: Căn cứ Khoản 2, Mục III, Phần II của Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, bảo hộ trí tuệ trong quá trình hội nhập giai đoạn 2016-2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Về nội dung hỗ trợ vật tư hệ thống tưới: Tưới tiết kiệm là một trong những tiến bộ khoa học kỹ thuật; trong những năm qua, việc áp dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm trong sản xuất nông nghiệp đã cho thấy những hiệu quả lớn như: Năng suất cây trồng tăng trên 20% so với không áp dụng, chất lượng sản phẩm được nâng cao, giảm lượng nước tiêu thụ, giảm chi phí sản xuất; vì vậy, cần tiếp tục khuyến khích thực hiện trong chuỗi liên kết. Hiện, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 về phê duyệt đơn giá giống và vật tư hệ thống tưới một số loại cây trồng, đây là tiền đề để triển khai thành công nội dung này.

Do đó, đơn vị soạn thảo đề xuất bổ sung vào dự thảo để tiếp tục hỗ trợ thực hiện nội dung này trong chương trình chuỗi liên kết.

- Về nội dung hỗ trợ VietGAP: Việc sản xuất an toàn là điều kiện trong thực hiện chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, được quy định tại Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. Thực tế hiện nay, sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn

VietGAP còn hạn chế do nhiều khó khăn. Vì vậy, cần thực hiện hỗ trợ nội dung này.

Mức hỗ trợ đề xuất căn cứ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Về nội dung áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới: Để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp cần không ngừng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Trong những năm qua, nhờ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới năng suất cây trồng, vật nuôi được nâng cao.

Nội dung hỗ trợ căn cứ theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; mức hỗ trợ “không quá 300 triệu đồng” vận dụng trên cơ sở quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 9 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Về rà soát, cân đối ngân sách địa phương bảo đảm cho mức hỗ trợ được tính toán cụ thể tại Mục IV của báo cáo này.

III. VỀ NỘI DUNG, HÌNH THỨC DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Trích yếu nội dung, đề nghị chỉnh sửa và trình bày như sau:

“Tờ trình

Dự thảo nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”

Giải trình: Đơn vị soạn thảo căn cứ theo mẫu số 03, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, tên của chính sách chỉnh sửa theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ. Vì vậy, đơn vị soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa như sau:

“TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”

2. Tại mục I- sự cần thiết ban hành cần đánh giá cụ thể hơn những thuận lợi mà chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản mang lại trong thời gian qua; giá trị, hiệu quả của việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Giải trình: Nội dung Tờ trình được đơn vị dự thảo viết ngắn gọn trên cơ sở Báo cáo chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kèm theo Tờ trình. Các nội dung về đánh giá cụ thể thuận lợi, khó khăn, hiệu quả của chính sách liên kết trong thời gian qua đã được trình bày tại Báo cáo trên.

3. Đối với các mức hỗ trợ tại dự thảo Tờ trình cần đánh giá, giải trình việc tham mưu đề xuất các mức hỗ trợ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, ngân sách địa phương có đảm bảo thực hiện hỗ trợ?

Giải trình: Các mức hỗ trợ đề xuất trình Hội đồng nhân dân được đơn vị soạn thảo vận dụng trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và ghi rõ căn cứ tại Báo cáo chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kèm theo Tờ trình.

Về rà soát, cân đối ngân sách địa phương bảo đảm cho mức hỗ trợ được tính toán cụ thể tại Mục IV của báo cáo này.

4. Trên cơ sở góp ý tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung dự thảo Tờ trình cho phù hợp.

Giải trình: Đơn vị soạn thảo, tiếp thu chỉnh sửa dự thảo.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tại cuộc họp ngày 08/11/2018 của UBND tỉnh về việc rà soát các chính sách trình Hội đồng nhân dân cuối năm 2018, trong đó có chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đơn vị soạn thảo đã trình bày phương án kinh phí thực hiện của chính sách và đã được các thành viên UBND tỉnh thống nhất thông qua, cụ thể kinh phí như sau:

- Ước kinh phí giai đoạn năm 2019-2020: 20,875 tỷ đồng/năm (07 dự án/năm). Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 10,200 tỷ đồng; ngân sách huyện hỗ trợ 10,675 tỷ đồng. Bình quân 2,982 tỷ đồng/dự án (*kèm theo phụ lục 1*).

- Ước kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025: 30,461 tỷ đồng/năm (10 dự án/năm). Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 14,650 tỷ đồng; ngân sách huyện hỗ trợ 15,811 tỷ đồng. Bình quân 3,0146 tỷ đồng/dự án (*kèm theo phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo Giải trình nội dung thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo./.

BÁO CÁO

Giải trình một số nội dung trình dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Để đảm bảo dự thảo Nghị quyết về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được khả thi, phù hợp với thực tiễn, Sở Nông nghiệp và PTNT giải trình một số đề xuất như sau:

1. Về mục tiêu và hiệu quả của Nghị quyết

a) Mục tiêu

- Giai đoạn 2019 - 2020: Xây dựng tối thiểu 7 chuỗi liên kết/năm.
- Giai đoạn 2021 - 2025: Xây dựng tối thiểu 10 chuỗi liên kết/năm.

Giải trình đề xuất mục tiêu trên:

Trong 04 năm triển khai thực hiện Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 19 dự án cánh đồng lớn được phê duyệt. Bình quân phê duyệt 05 dự án/năm. Tuy nhiên, chính sách này chỉ áp dụng trong lĩnh vực trồng trọt.

Khi Nghị quyết hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được ban hành sẽ áp dụng hỗ trợ cho nhiều lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp; đồng thời, chính sách có nhiều nội dung mới thu hút các thành phần tham gia liên kết, do vậy, đơn vị soạn thảo dự kiến số lượng dự án liên kết tăng 20%/năm so với giai đoạn trước. Đơn vị soạn thảo đề xuất mục tiêu tối thiểu hàng năm xây dựng 7 chuỗi liên kết trong giai đoạn 2019-2020.

b) Hiệu quả của Nghị quyết

Với việc triển khai chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, dự kiến đạt được những hiệu quả sau:

- Thay đổi nhận thức của nông dân từ sản xuất truyền thống sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng đồng bộ trên diện tích lớn, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn với chất lượng đồng đều, thuận lợi cho việc ứng dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp (năng suất, chất lượng sản phẩm nâng cao, giá thành giảm, đầu ra ổn định).

- Góp phần xây dựng, củng cố và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn hóa trong sản xuất. Doanh nghiệp xây dựng được vùng nguyên liệu ổn định, mạnh dạn đầu tư phát triển chế biến sâu từ đó góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông sản của địa phương.

- Chất lượng sản phẩm, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong chuỗi được kiểm soát chặt chẽ.

2. Về quy định hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng không quá 10 tỷ đồng

Để gia tăng giá trị sản phẩm thì cần thiết phải đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng công trình hạ tầng phục vụ liên kết như: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Với mức hỗ trợ 30% theo quy định thì để nhận hỗ trợ 10 tỷ đồng thì chủ dự án (doanh nghiệp, hợp tác xã) phải đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng mức tối thiểu 30 tỷ. Thực trạng những năm qua chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng. Theo Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp về nông nghiệp, nông thôn, sau 04 năm triển khai thực hiện mới hỗ trợ được 07 đơn vị với bình quân kinh phí hỗ trợ 03 tỷ/dự án. Song, để khuyến khích các chủ dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ liên kết trong giai đoạn tới, đơn vị soạn thảo đề xuất quy định theo mức hỗ trợ tối đa của Trung ương.

Để đảm bảo cân đối ngân sách hỗ trợ triển khai thực hiện, hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND phê duyệt để triển khai thực hiện.

3. Về nguồn vốn hỗ trợ thực hiện nghị quyết

Theo quy định của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ xác định “thực hiện theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ chương trình, dự án hợp pháp khác”.

Tuy nhiên, tỉnh Đồng Nai không được bố trí nguồn vốn ngân sách từ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình khuyến nông của Trung ương do vậy nên thực hiện chương trình này là phải thực hiện cân đối từ ngân sách của tỉnh.

Riêng đối với nội dung đào tạo nghề thực hiện lồng ghép theo Quyết định 1418/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo./.

Số: 261 /BC-STP

Đồng Nai, ngày 07 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển
hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4205/SNN-PTNT ngày 02/11/2018 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Công văn đề nghị thẩm định.
2. Dự thảo: Tờ trình, Nghị quyết.
3. Văn bản chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
4. Bản tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương.

II. Nội dung thẩm định

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Tại khoản 1 Điều 1, đề nghị xem lại phạm vi điều chỉnh về chính sách hỗ trợ đối với "diêm nghiệp", thực tế trên địa bàn tỉnh còn có nghề sản xuất muối hay không, đề nghị rà soát lại để đảm bảo tính khả thi của văn bản.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Căn cứ Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh "Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn", nhằm hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần vào sự

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết nêu trên là cần thiết và phù hợp về thẩm quyền theo quy định.

3. Về nội dung, hình thức dự thảo

3.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

a) Tại Điều 2

- Tại khoản 1, Sở Tư pháp xác định mức hỗ trợ tại Nghị quyết quy định bằng mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, đề nghị phối hợp Sở Tài chính rà soát, cân đối ngân sách địa phương đảm bảo cho mức hỗ trợ, làm cơ sở xác định cụ thể mức hỗ trợ là bao nhiêu, không sử dụng cụm từ “tối đa không quá”, tránh việc tùy nghi, không thống nhất trong việc triển khai thực hiện. Định mức hỗ trợ phải đảm bảo phù hợp theo quy định mức tối đa cho phép tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

- Tại khoản 2, dự thảo quy định tổng mức hỗ trợ “không quá 10 tỷ đồng” bằng mức hỗ trợ tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, với mức hỗ trợ này thì ngân sách địa phương có đảm bảo thực hiện được không, đề nghị có đánh giá cụ thể.

- Tại khoản 3 về hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến công, đề nghị có đánh giá, giải trình cụ thể việc tham mưu đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh theo mức nêu tại dự thảo: tại sao có mức lại 50%, mức 40%, mức 100% và dự toán kinh phí hỗ trợ này khoảng bao nhiêu, ngân sách địa phương có đảm bảo thực hiện.

- Tại điểm a khoản 5, đề nghị xác định cụ thể mức hỗ trợ, không dùng cụm từ “mức hỗ trợ tối đa”.

- Tương tự tại các khoản 6, 7, 8, 9, đề nghị có đánh giá, giải trình cụ thể cơ sở đề xuất mức hỗ trợ và dự toán kinh phí cho các khoản hỗ trợ này là bao nhiêu, ngân sách địa phương có đảm bảo cân đối thực hiện, làm cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Tại khoản 1 Điều 3, dự thảo có quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh “*quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ và điều kiện hỗ trợ*” là không phù hợp vì tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP đã quy định cụ thể.

Đồng thời, căn cứ khoản 4 Điều 14 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định hành vi bị nghiêm cấm bao gồm “*quy định thủ tục hành chính trong Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”. Theo đó, việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thủ tục, hồ sơ hỗ trợ là vi phạm điều cấm của Luật. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung Nghị quyết và hướng dẫn địa phương thực hiện các trình tự, thủ tục, điều kiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Đề nghị chỉnh sửa khoản 1 Điều 3 như sau:

“Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này; rà soát, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp với nội dung

Nghị quyết này; định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.”

d) Đánh số trang: Căn cứ Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo đặt số trang canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của dự thảo Nghị quyết.

3.2. Đối với dự thảo Tờ trình

Dự thảo Tờ trình đề nghị trình bày đảm bảo theo mẫu số 03 phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tại dự thảo Tờ trình, đề nghị lưu ý một số vấn đề sau:

a) Tại trích yếu nội dung, đề nghị chỉnh sửa và trình bày như sau:

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

b) Tại mục I – Sự cần thiết ban hành, cần đánh giá cụ thể hơn những thuận lợi mà chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản mang lại trong thời gian qua; giá trị, hiệu quả của việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

c) Đối với các mức hỗ trợ tại dự thảo Tờ trình, cần có đánh giá, giải trình việc tham mưu đề xuất các mức hỗ trợ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, ngân sách địa phương có đảm bảo thực hiện hỗ trợ.

d) Trên cơ sở ý kiến góp ý tại dự thảo Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung dự thảo Tờ trình cho phù hợp.

III. Kết luận

Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung trên, Sở Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết và phù hợp về thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, hoàn chỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP. UBND tỉnh (p/h);
- Giám đốc Sở, các PGĐ Sở;
- TTTĐT Sở;
- Lưu: VT, XDKTVB.
(Hài-TE)



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thị Xuân Đào